TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃVĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2023/HNGĐ-ST
Ngày 19/6/2023
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thái Trung Nghĩa.

Bà Nguyễn Huỳnh Hoa.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Anh Đô, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa*:* Ông Âu Hoàng Mến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 168/2022/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 về việc *"Ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ong Thị Bé L, sinh năm 19U (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà R, ấp Âu T, xã Vĩnh H, thị xã Vĩnh C, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Anh Dương Chanh T, sinh năm 19E (vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà R, ấp Âu T, xã Vĩnh H, thị xã Vĩnh C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 7 năm 2022 và đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 16/6/2023 nguyên đơn chị Ong Thị Bé L trình bày:

Vào năm 2011, chị Ong Thị Bé L kết hôn với anh Dương Chanh T và được Ủy ban nhân dân xã Vĩnh H, thị xã Vĩnh C, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 06/11/2011. Trong thời gian sống chung với nhau có 02 đứa con chung: Dương Quỳnh N (giới tính: Nữ), sinh ngày 26/01/20Y và Dương

Trà N1 (giới tính: Nữ), ngày 19/01/20W. Do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và mâu thuẫn xảy ra ngày càng trầm trọng dẫn đến vợ chồng sống ly thân mặc dù ở chung một nhà.

Nay chị Ong Thị Bé L yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Dương Chanh T.

- Về con chung: Đối với đứa con tên Dương Quỳnh N (giới tính: Nữ), sinh ngày 26/01/20Y Hện nay do anh Dương Chanh T chăm sóc nuôi dưỡng nên chị Ong Thị Bé L đồng ý giao cho anh T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Dương Quỳnh N và chị L không cấp dưỡng cho con. Đối với cháu Dương Trà N1 (giới tính: Nữ), ngày 19/01/20W Hện nay do chị Ong Thị Bé L chăm sóc nuôi dưỡng nên chị L yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Dương Trà N1. Chị L không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Dương Chanh T: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án; thông báo mở phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật và triệu tập hợp lệ đối với bị đơn anh Dương Chanh T để tham gia phiên tòa Nng anh T vẫn cố tình vắng mặt. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 210 của Bộ luật tố tụng dân sự và Tòa án có thông báo kết quả mở phiên họp cho anh Dương Chanh T biết.

Tại phiên tòa vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến:

- Về pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký chấp hành đúng quy định pháp luật. Đối với bị đơn anh Dương Chanh T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa Nng vẫn vắng mặt. Đối với nguyên đơn chị Ong Thị Bé L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định của pháp luật. Về thời hạn chuẩn bị xét xử chưa thực Hện đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự

- Về pháp luật nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ong Thị Bé L được ly hôn với anh Dương Chanh T.

+ Về con chung: Giao cháu Dương Quỳnh N (giới tính: Nữ), sinh ngày 26/01/20Y cho anh Dương Chanh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Giao cháu Dương Trà N1 (giới tính: Nữ), ngày 19/01/20W cho chị Ong Thị Bé L tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Ong Thị Bé L và anh Dương Chanh T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung: Chị Ong Thị Bé L trình bày vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

+ Về nợ chung: Chị Ong Thị Bé L trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

+ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau kH ngHên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về pháp luật tố tụng:

[1]. Nguyên đơn chị Ong Thị Bé L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: *"Ly hôn"* là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Tòa án thụ lý giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn anh Dương Chanh T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Dương Chanh T theo quy định của pháp luật.

[3] Đối với nguyên đơn chị Ong Thị Bé L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Ong Thị Bé L theo quy định của pháp luật.

Về pháp luật nội dung:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa chị Ong Thị Bé L với anh Dương Chanh T được xác lập vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn đúng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Ong Thị Bé L với anh Dương Chanh T là hợp pháp. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn là do trong thời gian sống chung với nhau chị Ong Thị Bé L với anh Dương Chanh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và tuy còn sống chung nhà với nhau Nng đã sống ly thân. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị Ong Thị Bé L với anh Dương Chanh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào các Điều 51, 53, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Ong Thị Bé L được ly hôn với anh Dương Chanh T.

[2] *Về con chung:* Đối với cháu Dương Quỳnh N (giới tính: Nữ), sinh ngày 26/01/20Y Hện nay do anh Dương Chanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Còn cháu Dương Trà N1 (giới tính: Nữ), sinh ngày 19/01/20W Hện nay do chị Ong Thị Bé L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, anh Dương Chanh T và chị Ong Thị Bé L có đủ điều kiện để chăm sóc, giáo dục các cháu trong môi trường lành mạnh, đảm bảo sự phát triển của con tốt về thể chất cũng N tinh thần. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Dương Quỳnh N (giới tính: Nữ), sinh ngày 26/01/20Y cho anh Dương Chanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi.

Giao cháu Dương Trà N1 (giới tính: Nữ), sinh ngày 19/01/20W cho chị Ong Thị Bé L được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[3] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị Ong Thị Bé L và anh Dương Chanh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] *Về tài sản chung:* Chị Ong Thị Bé L trình bày tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về nợ chung:* Chị Ong Thị Bé L trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Chị Ong Thị Bé L phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 2 Điều 143; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ong Thị Bé L được ly hôn với bị đơn anh Dương Chanh T.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Quỳnh N (giới tính: Nữ), sinh ngày 26/01/20Y cho anh Dương Chanh T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Giao cháu Dương Trà N1 (giới tính: Nữ), ngày 19/01/20W cho chị Ong Thị Bé L tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi.

Trong thời gian chị Ong Thị Bé L và anh Dương Chanh T nuôi con, không ai có quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc, giáo dục của cha, mẹ đối với con chung.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Ong Thị Bé L và anh Dương Chanh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung: Chị Ong Thị Bé L trình bày tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Chị Ong Thị Bé L trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

6. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Ong Thị Bé L phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số: 0004421 ngày 12/10/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu. Chị Ong Thị Bé L đã thực Hện xong nghĩa vụ nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

7. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014)".

Nơi nhận:
- VKSND TX Vĩnh Châu;
- THADS TX Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã Vĩnh H, TX Vĩnh C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Vũ Phương